Mẫu số 01-A

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

V/v: công bố báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, công ty cổ phần dầu khí đầu tư khai thác cảng Phước An (MCK: PAP) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

- Mã chứng khoán: PAP
- Địa chỉ: Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ/Tel: +84(251)03685588 Fax: +84 (251) 3685599
- Email:..... Website: phuocanport@pap.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
DN: C=VN, L=ĐỒNG NAI, O=SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3601010336, E=PHUOCANPORT@VNN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.19 13:33:23+0700'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: ...../03/2025 tại đường dẫn: WWW.PAP.VN

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Hoàng Hải

Tài liệu đính kèm:
- NT
- UBCKNN (Để báo cáo)
- Lưu VT, TCKT

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Trương Hoàng Hải	Thành viên
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Phúc	Thành viên
Ông Trần Nhân Tâm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Giang	Trưởng ban
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên
Bà Trần Thị Lam Giang	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Hoàng Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2024
Ông Lê Đình Nghiệm	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Trương Hoàng Hải	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12348132/67726514/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**744.278.577.109**	**537.649.102.008**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***276.599.012.946***	***103.248.204.977***
111	1. Tiền		2.659.617.192	1.628.204.977
112	2. Các khoản tương đương tiền		273.939.395.754	101.620.000.000
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***445.759.213.874***	***430.105.782.615***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		178.743.240	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	442.443.427.139	417.696.218.816
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.137.043.495	12.409.563.799
140	***III. Hàng tồn kho***		***141.046.120***	***-***
141	1. Hàng tồn kho		141.046.120	-
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***21.779.304.169***	***4.295.114.416***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.727.501	54.454.579
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	12	21.741.749.209	4.207.832.378
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	32.827.459	32.827.459
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.376.629.531.808**	**3.899.185.597.631**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***3.878.366.000***	***3.883.366.000***
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	5	3.861.366.000	3.861.366.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		17.000.000	22.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***4.059.319.315.122***	***4.970.737.300***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	4.030.293.072.532	4.970.737.300
222	Nguyên giá		4.051.308.565.907	12.334.449.587
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.015.493.375)	(7.363.712.287)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	29.026.242.590	-
228	Nguyên giá		29.189.424.304	41.733.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(163.181.714)	(41.733.000)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***2.309.266.981.491***	***3.890.264.266.325***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	2.309.266.981.491	3.890.264.266.325
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***-***	***-***
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(8.000.000.000)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***4.164.869.195***	***67.228.006***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.164.869.195	67.228.006
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.120.908.108.917**	**4.436.834.699.639**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**4.665.103.147.773**	**2.347.557.310.931**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***547.321.807.128***	***1.199.620.056.508***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	12.438.750.851	2.362.998.048
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	994.075.968	103.225.912
314	3. Phải trả người lao động		6.640.684.197	1.193.388.466
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	218.769.187.843	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	34.029.054.418	1.071.787.190.231
320	6. Vay ngắn hạn	15	273.410.000.000	123.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.040.053.851	1.173.253.851
330	***II. Nợ dài hạn***		***4.117.781.340.645***	***1.147.937.254.423***
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	1.117.780.865.754	-
338	2. Vay dài hạn	15	3.000.000.474.891	1.147.937.254.423
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.455.804.961.144**	**2.089.277.388.708**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***16***	***2.455.804.961.144***	***2.089.277.388.708***
411	1. Vốn cổ phần		2.320.000.000.000	2.000.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.320.000.000.000*	*2.000.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		155.671.000.000	91.835.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.285.641.372	9.285.641.372
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.069.929.634	2.069.929.634
421	5. Lỗ lũy kế		(31.221.609.862)	(13.913.182.298)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước*		*(13.913.182.298)*	*(7.113.769.231)*
421b	*- Lỗ năm nay*		*(17.308.427.564)*	*(6.799.413.067)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.120.908.108.917**	**4.436.834.699.639**

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Chu Vĩnh Hoàng Yến	Nguyễn Duy Hòa	Trương Hoàng Hải
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ**	**17.1**	**2.176.403.000**	**-**
11	**2. Giá vốn dịch vụ cung cấp**	**18**	**(19.935.959.627)**	**-**
20	**3. Lỗ gộp về cung cấp dịch vụ**		**(17.759.556.627)**	**-**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**17.2**	**15.021.071.300**	**-**
22	**5. Chi phí tài chính**	**19**	**(8.082.655.891)**	**-**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*	*19*	*(3.232.252.291)*	*-*
25	**6. Chi phí bán hàng**		**(446.180.408)**	**-**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**20**	**(6.036.756.933)**	**(6.744.681.367)**
30	**8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(17.304.078.559)**	**(6.744.681.367)**
32	**9. Chi phí khác**		**(4.349.005)**	**(54.731.700)**
40	**10. Lỗ khác**		**(4.349.005)**	**(54.731.700)**
50	**11. Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(17.308.427.564)**	**(6.799.413.067)**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**22.1**	**-**	**-**
60	**13. Lỗ sau thuế TNDN**		**(17.308.427.564)**	**(6.799.413.067)**
70	**14. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**	**16.5**	**(81)**	**(34)**
71	**15. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu**	**16.5**	**(81)**	**(34)**

Chu Vĩnh Hoàng Yến	Nguyễn Duy Hòa	Trương Hoàng Hải
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(17.308.427.564)**	**(6.799.413.067)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7, 8	13.511.638.209	926.704.032
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(3.409.517.216)	(6.162.529.550)
06	Chi phí lãi vay	19	3.232.252.291	-
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(3.974.054.280)**	**(12.035.238.585)**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(7.254.468.165)	39.165.398.060
10	Tăng hàng tồn kho		(141.046.120)	-
11	Tăng các khoản phải trả		301.897.811.280	4.984.003.958
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(4.047.914.111)	96.993.433
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(133.200.000)	(452.614.547)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**286.347.128.604**	**31.758.542.319**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.501.534.386.717)	(1.842.492.664.915)
23	Tiền chi cho vay		(23.200.000.000)	(20.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		23.200.000.000	20.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		2.228.845.614	7.549.825.439
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(2.499.305.541.103)**	**(1.834.942.839.476)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu thuần từ phát hành cổ phiếu	16.1	383.836.000.000	(54.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	15	2.040.611.563.378	1.479.549.745.268
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(38.138.342.910)	(208.612.490.845)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**2.386.309.220.468**	**1.270.883.254.423**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**173.350.807.969**	**(532.301.042.734)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**103.248.204.977**	**635.549.247.711**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**276.599.012.946**	**103.248.204.977**

Chu Vĩnh Hoàng Yến	Nguyễn Duy Hòa	Trương Hoàng Hải
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 245 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 29).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-25 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng, triển khai dự án và các chi phí trực tiếp khác.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này. Thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.17 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	-	26.443.572
Tiền gửi ngân hàng	2.659.617.192	1.601.761.405
Các khoản tương đương tiền	273.939.395.754	101.620.000.000
TỔNG CỘNG	**276.599.012.946**	**103.248.204.977**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm đến 4,7%/năm.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**442.443.427.139**	**417.696.218.816**
Trả trước cho bên liên quan (*Thuyết minh số 23*)	231.922.019.641	259.008.589.776
Công ty TNHH Mitsui E&S	206.475.750.000	141.441.846.000
Công ty TNHH Ngân hàng Phần mềm Tổng hợp Việt Nam	-	7.439.134.984
Công ty Cổ phần Unico Vina	-	5.992.444.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng Kỹ thuật biển	-	1.334.614.560
Khác	4.045.657.498	2.479.588.696
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	**3.861.366.000**	**3.861.366.000**
TỔNG CỘNG	**446.304.793.139**	**421.557.584.816**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi tiền gửi phải thu	1.537.218.124	356.546.522
Tạm ứng cho nhân viên	1.432.618.079	295.255.576
Thuế giá trị gia tăng được hoàn	-	11.640.554.409
Khác	167.207.292	117.207.292
TỔNG CỘNG	**3.137.043.495**	**12.409.563.799**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	3.908.403.636	-	8.075.088.316	350.957.635	12.334.449.587
Mua mới trong năm	-	1.001.155.746.509	84.061.968.492	18.209.113.100	1.103.426.828.101
Xây dựng cơ bản hoàn thành *(*)*	2.935.547.288.219	-	-	-	2.935.547.288.219
Số cuối năm	2.939.455.691.855	1.001.155.746.509	92.137.056.808	18.560.070.735	4.051.308.565.907
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*3.908.403.636*	-	*2.003.751.818*	*350.957.635*	*6.263.113.089*
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(3.799.836.880)	-	(3.212.917.772)	(350.957.635)	(7.363.712.287)
Khấu hao trong năm	(8.238.286.865)	(4.179.532.276)	(1.233.961.947)	-	(13.651.781.088)
Số cuối năm	(12.038.123.745)	(4.179.532.276)	(4.446.879.719)	(350.957.635)	(21.015.493.375)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	108.566.756	-	4.862.170.544	-	4.970.737.300
Số cuối năm	2.927.417.568.110	996.976.214.233	87.690.177.089	18.209.113.100	4.030.293.072.532

(*) Vào ngày 25 tháng 11 năm 2024, Công ty thực hiện ghi nhận giá trị tài sản hoàn thành ước tính liên quan đến Cảng Phước An – Phân kỳ 1 theo văn bản nghiệm thu phòng cháy chữa cháy số 3509/NT-PCCC.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	41.733.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	29.147.691.304
Số cuối năm	29.189.424.304
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*41.733.000*
Hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(41.733.000)
Hao mòn trong năm	(121.448.714)
Số cuối năm	(163.181.714)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	29.026.242.590

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An. Chi tiết như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bồi thường giải phóng mặt bằng	1.486.293.437.461	1.544.934.377.792
Chi phí triển khai và xây dựng dự án	498.278.406.380	2.030.787.214.380
Lãi vay và chi phí sử dụng vốn được vốn hóa *(*)*	287.226.868.266	225.069.905.094
Lập dự án đầu tư	10.589.296.759	11.458.463.203
Rà phá bom mìn	8.554.215.107	15.570.740.040
Khảo sát địa chất	6.469.921.897	17.027.096.865
Thiết kế bản vẽ thi công	2.231.389.573	21.180.859.933
Khác	9.623.446.048	24.235.609.018
TỔNG CỘNG	**2.309.266.981.491**	**3.890.264.266.325**

(*) Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay và chi phí sử dụng vốn liên quan đến các khoản vay và khoản vốn nhằm tài trợ cho việc phát triển và xây dựng Dự án Cảng Phước An với số tiền lần lượt là 166.927.630.993 VND và 124.323.682.192 VND (2023: 64.535.160.745 VND và 123.984.000.000 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng *(*)*	4.155.600.430	-
Khác	9.268.765	67.228.006
TỔNG CỘNG	**4.164.869.195**	**67.228.006**

(*) Là khoản chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất bắt đầu đưa vào khai thác cho hoạt động kinh doanh trong năm.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Số Một	3.971.480.000	-
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC	2.304.228.900	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình 625	1.436.436.818	1.631.948.235
Công ty TNHH MTV Cây Xanh Đồng Nai	-	338.672.320
Khác	4.726.605.133	392.377.493
TỔNG CỘNG	**12.438.750.851**	**2.362.998.048**

12. THUẾ

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.207.832.378	80.597.074.625	63.063.157.794	21.741.749.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.827.459	-	-	32.827.459
TỔNG CỘNG	**4.240.659.837**	**80.597.074.625**	**63.063.157.794**	**21.774.576.668**
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	103.225.912	1.584.640.583	693.790.527	994.075.968

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí ước tính hoàn thành dự án Cảng Phước An – Phân kỳ 1	218.769.187.843	-
Trong đó:		
Chi phí xây dựng cho các hang mục chính	*183.843.202.837*	-
Chi phí xây dựng cho các hạng mục phụ trợ	*17.848.985.863*	-
Chi phí thiết bị	*17.076.999.143*	-

14. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**34.029.054.418**	**1.071.787.190.231**
Lãi vay phải trả bên khác	20.342.933.249	3.072.942.660
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương	13.345.884.000	13.345.884.000
HĐHTKD với Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa ("Tín Nghĩa") *(*)*	-	1.033.200.000.000
Phải trả lợi nhuận cố định phân chia từ HĐHTKD với Tín Nghĩa	-	22.079.342.466
Khác	340.237.169	89.021.105
Dài hạn	**1.117.780.865.754**	-
HĐHTKD với Tín Nghĩa *(*)*	1.033.200.000.000	-
Phải trả lợi nhuận cố định phân chia từ HĐHTKD với Tín Nghĩa	84.580.865.754	-
TỔNG CỘNG	**1.151.809.920.172**	**1.071.787.190.231**

(*) Vào ngày 27 tháng 10 năm 2022, Công ty đã ký kết HĐHTKD với Tín Nghĩa, với tổng giá trị là 2.066.400.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 953/NQ-PAP ngày 31 tháng 8 năm 2022. Theo đó, Tín Nghĩa sẽ góp vốn đầu tư xây dựng và nhận lại giá trị phí sử dụng hạ tầng với tỷ suất lợi nhuận tối thiểu là 12%/năm trên khu đất hợp tác tại Dự án Khu Công nghiệp cảng Phước An với tổng diện tích là 600.000 m2.

Công ty nhận khoản vốn góp đầu tư xây dựng đợt 1, với giá trị 1.033.200.000.000 VND trong giai đoạn từ ngày 28 tháng 10 năm 2022 đến ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2024, Công ty và Tín Nghĩa đã thực hiện gia hạn thời hạn hợp tác kinh doanh đến ngày 26 tháng 4 năm 2026. Theo đó, giá trị vốn đầu tư từ HĐHTKD và lợi nhuận tương ứng phải trả được phân loại qua phải trả dài hạn khác.

15. VAY

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn				
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 15.1)*	123.000.000.000	150.410.000.000	-	273.410.000.000
Dài hạn				
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 15.2)*	1.147.937.254.423	1.890.201.563.378	(38.138.342.910)	3.000.000.474.891
TỔNG CỘNG	**1.270.937.254.423**	**2.040.611.563.378**	**(38.138.342.910)**	**3.273.410.474.891**

15.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Công ty thực hiện vay ngắn hạn từ bên liên quan nhằm phục vụ quá trình xây dựng Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa				
Khoản vay 1	129.200.000.000	Ngày 29 tháng 9 năm 2025	9,2	Tín chấp
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A				
Khoản vay 1	126.500.000.000	Ngày 31 tháng 7 năm 2025	8,0	Tín chấp
Khoản vay 2	17.710.000.000	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**273.410.000.000**			

15. VAY (tiếp theo)

15.2 Vay dài hạn

Công ty thực hiện vay dài hạn từ ngân hàng thương mại nhằm phục vụ quá trình xây dựng Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch	3.000.000.474.891	Ngày 5 tháng 1 năm 2035	Lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5 - 4%	Công trình và máy móc tại Cảng Phước An

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lỗ lũy kế*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Số đầu năm	2.000.000.000.000	9.285.641.372	91.934.000.000	2.069.929.634	(7.113.769.231)	2.096.175.801.775
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	-	(99.000.000)	-	-	(99.000.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(6.799.413.067)	(6.799.413.067)
Số cuối năm	2.000.000.000.000	9.285.641.372	91.835.000.000	2.069.929.634	(13.913.182.298)	2.089.277.388.708
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Số đầu năm	2.000.000.000.000	9.285.641.372	91.835.000.000	2.069.929.634	(13.913.182.298)	2.089.277.388.708
Phát hành cổ phiếu	320.000.000.000	-	64.000.000.000	-	-	384.000.000.000
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	-	(164.000.000)	-	-	(164.000.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-		-	(17.308.427.564)	(17.308.427.564)
Số cuối năm	2.320.000.000.000	9.285.641.372	155.671.000.000	2.069.929.634	(31.221.609.862)	2.455.804.961.144

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Cổ phiếu thường	*Tỷ lệ sở hữu*	*Cổ phiếu thường*	*Tỷ lệ sở hữu*
		%		*%*
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	40.197.900	17,3	40.197.900	20,10
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	35.000.000	15,1	35.000.000	17,50
Cổ đông khác	156.802.100	67,6	124.802.100	62,40
TỔNG CỘNG	**232.000.000**	**100**	**200.000.000**	**100**

16.3 *Các giao dịch về vốn với cổ đông*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Phát hành cổ phiếu *(*)*	320.000.000.000	-
Số cuối năm	2.320.000.000.000	2.000.000.000.000

(*) Vào ngày 23 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu với với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 32.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 45/NQ-PAP. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 2.000.000.000.000 VND lên 2.320.000.000.000 VND.

Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai chấp thuận điều chỉnh GCNĐKDN lần thứ 12 vào ngày 7 tháng 8 năm 2024 liên quan đến việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.320.000.000.000 VND.

16.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	232.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	232.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	232.000.000	200.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lỗ trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	**(17.308.427.564)**	**(6.799.413.067)**
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	214.115.068	200.000.000
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	**214.115.068**	**200.000.000**
Lỗ trên cổ phiếu *(VND)*		
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	*(81)*	*(34)*
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	*(81)*	*(34)*

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.176.403.000	-

17.2 Doanh thu tài chính

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.021.071.300	-

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn dịch vụ cung cấp	19.935.959.627	-

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	3.232.252.291	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.850.403.600	-
TỔNG CỘNG	**8.082.655.891**	**-**

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	3.678.698.977	3.777.349.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.733.408.359	1.828.298.770
Chi phí khấu hao và hao mòn	447.488.606	926.704.032
Khác	177.160.991	212.328.925
TỔNG CỘNG	**6.036.756.933**	**6.744.681.367**

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 7 và số 8)*	13.511.638.209	926.704.032
Chi phí lương nhân viên	9.633.139.088	3.777.349.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.640.869.822	1.828.298.770
Khác	633.249.849	212.328.925
TỔNG CỘNG	**26.418.896.968**	**6.744.681.367**

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 *Chi phí thuế TNDN*

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ kế toán trước thuế	**(17.308.427.564)**	**(6.799.413.067)**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(3.461.685.513)	(1.359.882.613)
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	80.887.620	79.200.000
Lỗ tính thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	3.380.797.893	1.280.682.613
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

22.2 *Lỗ tính thuế*

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

22.3 *Lỗ thuế chuyển sang năm sau*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 25.973.992.786 VND (31 tháng 12 năm 2023: 18.978.036.317 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*
2021	2026	1.379.464.280	-	1.379.464.280
2022	2027	1.287.125.976	-	1.287.125.976
2023	2028	6.403.413.067	-	6.403.413.067
2024	2029	16.903.989.463	-	16.903.989.463
TỔNG CỘNG		**25.973.992.786**	**-**	**25.973.992.786**

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Công ty mẹ cao nhất của Cổ đông
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A	Công ty mẹ của Cổ đông
Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	Công ty trong cùng Tập đoàn với Cổ đông
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn với Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn	Công ty trong cùng Tập đoàn với Cổ đông
Ông Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Hoàng Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Phúc	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Nhân Tâm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Hữu Giang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Lam Giang	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Nghiệm	Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Thi công dự án	1.054.774.438.865	1.284.039.988.833
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A	Vay	144.210.000.000	-
	Lãi vay	4.420.850.001	-
Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	Cung cấp dịch vụ	2.010.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	Vay	6.200.000.000	123.000.000.000
	Lãi vay	11.114.740.547	1.575.090.410
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn	Cho vay	23.200.000.000	20.000.000.000
	Thu hồi cho vay	23.200.000.000	20.000.000.000
	Lãi cho vay	972.904.110	715.966.027

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Số đầu năm*	*Năm trước*
Ứng trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Thi công dự án	231.922.019.641	259.008.589.776
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	Lãi vay	12.689.830.957	1.575.090.410
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A	Lãi vay	4.420.850.001	-
		17.110.680.958	**-**
Vay ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A	Vay	144.210.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	Vay	129.200.000.000	123.000.000.000
		273.410.000.000	**123.000.000.000**

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND

Họ và tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Năm nay	*Năm trước*
Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch	54.000.000	54.000.000
Trương Hoàng Hải	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	510.900.000	434.250.000
Đào Minh Tùng	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	630.607.796	633.077.726
Nguyễn Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	317.541.380	-
Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên	54.000.000	54.000.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	54.000.000	54.000.000
Nguyễn Thái Phúc	Thành viên	54.000.000	54.000.000
Trần Nhân Tâm	Thành viên	54.000.000	54.000.000
Trần Ngọc Dũng	Thành viên trước đây	-	27.000.000
Ban Kiểm soát			
Bùi Hữu Giang	Trưởng ban	329.712.219	326.164.544
Đào Đức Mạnh	Thành viên	298.468.219	294.920.544
Trần Thị Lam Giang	Thành viên	32.400.000	16.200.000
Nguyễn Duy Hoà	Thành viên trước đây	-	16.200.000
		2.389.629.614	**2.017.812.814**

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Chu Vĩnh Hoàng Yến	Nguyễn Duy Hòa	Trương Hoàng Hải
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2025